

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016  
(đã được kiểm toán)

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

---

**NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Điều hành	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06-39
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11-39

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

---

### **BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

#### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Nghị định số 28/CP ngày 07 tháng 05 năm 1996 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần và Quyết định số 3336/QĐ-UB-KT ngày 26 tháng 06 năm 1998 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố giá trị doanh nghiệp của Công ty Văn hóa Dịch vụ Tổng hợp Tân Bình và chuyển thành Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0301420079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 08 năm 1998, đăng ký thay đổi lần thứ 35 ngày 25 tháng 12 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Văn Điều	Chủ tịch
Bà Lại Thị Hồng Điệp	Phó Chủ tịch
Ông La Thế Nhân	Ủy viên
Ông Trần Quý Tài	Ủy viên
Ông Hoàng Minh Anh Tú	Ủy viên

Các thành viên của Ban Điều hành đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Minh Anh Tú	Tổng Giám đốc điều hành
Ông Hoàng Minh Anh Tài	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lại Thị Hồng Điệp	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Huệ	Giám đốc Chất lượng

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Thái Thị Phượng	Trưởng ban
Bà Quách Thị Mai Trang	Thành viên
Ông Lê Quốc Thắng	Thành viên

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

---

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Điều hành Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Điều hành Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### **Cam kết khác**

Ban Điều hành cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Điều hành



A red circular stamp of Công ty Cổ phần Văn Hóa Tân Bình. The stamp contains the text: "M.S.D. N.0301420079-C.T.C.T", "CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH", and "Đ. TÂN PHÚ - TP. HỒ CHÍ MINH". A blue ink signature is written over the stamp.

**Hoàng Minh Anh Tú**

Tổng Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2017

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành  
Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình được lập ngày 14 tháng 03 năm 2017, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Trách nhiệm của Ban Điều hành**

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**



**Vũ Xuân Biễn**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2013-002-1

**Nguyễn Tuấn Anh**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1369-13-002-1

*Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2017*

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>112,729,841,154</b>	<b>122,834,732,584</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>32,386,135,209</b>	<b>43,684,818,983</b>
111	1. Tiền		22,886,135,209	20,585,167,186
112	2. Các khoản tương đương tiền		9,500,000,000	23,099,651,797
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>4</b>	<b>21,700,000,000</b>	<b>9,500,000,000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		21,700,000,000	9,500,000,000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>24,080,213,617</b>	<b>26,041,774,899</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	18,746,312,671	16,660,233,569
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	893,476,454	6,033,837,980
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	4,000,000,000	3,000,000,000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	466,424,492	347,703,350
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(26,000,000)	-
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>10</b>	<b>33,705,203,336</b>	<b>42,790,873,854</b>
141	1. Hàng tồn kho		33,705,203,336	42,790,873,854
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>858,288,992</b>	<b>817,264,848</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	15	858,034,040	595,709,404
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	177,675,076
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	18	254,952	43,880,368
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>111,874,282,467</b>	<b>112,357,709,563</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>86,500,000</b>	<b>86,500,000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	86,500,000	86,500,000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>46,378,818,093</b>	<b>47,914,418,660</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	41,759,418,994	42,948,644,771
222	- Nguyên giá		144,710,208,961	140,477,784,249
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(102,950,789,967)	(97,529,139,478)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	4,619,399,099	4,965,773,889
228	- Nguyên giá		7,126,480,397	7,138,980,488
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2,507,081,298)	(2,173,206,599)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>14</b>	<b>33,081,579,879</b>	<b>35,004,253,407</b>
231	- Nguyên giá		52,456,972,189	52,456,972,189
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(19,375,392,310)	(17,452,718,782)
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>2,403,498,771</b>	<b>1,065,554,594</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	2,403,498,771	1,065,554,594
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>4</b>	<b>14,037,210,931</b>	<b>12,256,599,876</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		13,914,881,731	12,134,270,676
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		122,329,200	122,329,200
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>15,886,674,793</b>	<b>16,030,383,026</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	15,886,674,793	16,030,383,026
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>224,604,123,621</b>	<b>235,192,442,147</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016  
 (tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>18,893,028,533</b>	<b>31,553,946,181</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>18,893,028,533</b>	<b>24,453,946,181</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	5,819,810,342	8,553,862,325
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	1,604,385,167	1,722,121,708
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	1,744,305,585	1,057,573,540
314	4. Phải trả người lao động		2,941,291,000	1,895,195,889
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		-	65,849,112
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	25,009,400
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	3,121,812,834	2,916,610,776
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	3,598,869,400	8,217,723,431
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		62,554,205	-
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>-</b>	<b>7,100,000,000</b>
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20	-	7,100,000,000
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>205,711,095,088</b>	<b>203,638,495,966</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>21</b>	<b>205,711,095,088</b>	<b>203,638,495,966</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		61,725,230,000	61,725,230,000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		61,725,230,000	61,725,230,000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		137,662,054,443	137,662,054,443
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		2,140,945,047	2,140,945,047
415	4. Cổ phiếu quỹ		(11,666,581,607)	(11,666,581,607)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		1,758,775,074	1,477,656,109
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		14,090,672,131	12,299,191,974
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước</i>		8,294,751,504	6,287,810,580
421b	<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		5,795,920,627	6,011,381,394
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>224,604,123,621</b>	<b>235,192,442,147</b>

*(Handwritten signatures)*



Nguyễn Thị Ngọc Duyên  
 Người lập

Nguyễn Thị Xuân  
 Kế toán trưởng

Hoàng Minh Anh Tú  
 Tổng Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2017



**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	129,178,483,544	135,913,105,901
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24	73,499,927	626,900,710
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		129,104,983,617	135,286,205,191
11	4. Giá vốn hàng bán	25	108,867,735,748	117,701,296,570
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		20,237,247,869	17,584,908,621
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26	2,541,895,046	1,929,926,411
22	7. Chi phí tài chính	27	533,619,400	737,506,288
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		156,359,305	264,937,803
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		1,780,611,055	1,339,913,972
25	9. Chi phí bán hàng	28	4,281,767,248	3,400,445,128
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	13,055,646,460	10,592,342,259
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		6,688,720,862	6,124,455,329
31	12. Thu nhập khác		60,514,222	160,853,439
32	13. Chi phí khác		248,167,891	7,021,899
40	14. Lợi nhuận khác		(187,653,669)	153,831,540
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		6,501,067,193	6,278,286,869
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	705,146,566	266,905,475
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		5,795,920,627	6,011,381,394
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		5,795,920,627	6,011,381,394
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		-	-
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	1,010	1,048

Nguyễn Thị Ngọc Duyên  
Người lập

Nguyễn Thị Xuân  
Kế toán trưởng



Hoàng Minh Anh Tú  
Tổng Giám đốc  
TP Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2017

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
 Năm 2016  
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>6,501,067,193</b>	<b>6,278,286,869</b>
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		12,075,838,827	11,281,139,767
03	- Các khoản dự phòng		26,000,000	-
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		18,509,995	16,067,224
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(4,133,834,936)	(3,063,679,024)
06	- Chi phí lãi vay		156,359,305	264,937,803
08	<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>14,643,940,384</b>	<b>14,776,752,639</b>
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		3,254,944,514	(626,922,033)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		9,085,670,518	9,162,630,550
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(4,033,159,575)	1,384,439,638
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(118,616,403)	(4,711,437,609)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(156,359,305)	(264,937,803)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(640,143,929)	(350,000,000)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>22,036,276,204</b>	<b>19,370,525,382</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(10,006,573,279)	(3,309,849,389)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		87,727,273	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(28,400,000,000)	(12,500,000,000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		15,200,000,000	-
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2,923,300,354	-
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1,999,913,478	2,193,765,052
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(18,195,632,174)</b>	<b>(13,616,084,337)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	1. Tiền thu từ đi vay		7,491,490,523	46,697,456,787
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(19,210,344,554)	(40,659,291,420)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(3,421,008,600)	-
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(15,139,862,631)</b>	<b>6,038,165,367</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>(11,299,218,601)</b>	<b>11,792,606,412</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT***Năm 2016**(Theo phương pháp gián tiếp)*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		43,684,818,983	31,880,002,460
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		534,827	12,210,111
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<b>32,386,135,209</b>	<b>43,684,818,983</b>




---

**Nguyễn Thị Ngọc Duyên**  
 Người lập




---

**Nguyễn Thị Xuân**  
 Kế toán trưởng



---

**Hoàng Minh Anh Tú**  
 Tổng Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2017

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Năm 2016*

### **1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Nghị định số 28/CP ngày 07 tháng 05 năm 1996 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần và Quyết định số 3336/QĐ-UB-KT ngày 26 tháng 06 năm 1998 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố giá trị doanh nghiệp của Công ty Văn hóa Dịch vụ Tổng hợp Tân Bình và chuyển thành Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0301420079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 08 năm 1998, đăng ký thay đổi lần thứ 35 ngày 25 tháng 12 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 61.725.230.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 61,725,230,000 đồng; tương đương 6,172,523 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10,000 đồng.

#### **Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động trên các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu bao bì và cung ứng dịch vụ công nghệ thông tin.

#### **Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Sản xuất ngành in, ngành bao bì giấy, ngành bao bì nhựa, ngành khăn giấy;
- Sản xuất ngành hóa chất nhựa, hạt nhựa màu;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Sản xuất băng đĩa nhạc;
- Kinh doanh thương mại, dịch vụ.

#### **Cấu trúc Tập đoàn**

- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2016 bao gồm:

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền Thông Âu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	100.00%	100.00%	Công nghệ và truyền thông
Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	100.00%	100.00%	Sản xuất và dịch vụ

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

## Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

- Công ty có công ty liên kết được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2016 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	47.00%	47.00%	Sản xuất và dịch vụ

## 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

## **2.4 . Công cụ tài chính**

### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## **2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Nếu Công ty áp dụng tỷ giá thực tế là tỷ giá xấp xỉ thì tỷ giá này chênh lệch không quá 1% so với tỷ giá mua bán chuyên khoản trung bình.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

## **2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## **2.7 . Các khoản đầu tư tài chính**

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

*Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết* mua trong năm bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán “Hợp nhất kinh doanh” và “Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết”. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

*Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác* bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## **2.8 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**2.9 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**2.10 . Tài sản cố định và Bất động sản đầu tư**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Tài sản cố định khác	10 năm
- Quyền sử dụng đất	42 năm
- Phần mềm quản lý	04 - 06 năm

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
--------------------------	-------------

**2.11 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**2.12 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.



### **2.13 . Các khoản vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuế tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

### **2.14 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

### **2.15 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

### **2.16 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

## **2.17 . Doanh thu**

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**2.18 . Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

**2.19 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

**2.20 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.21 . Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**2.22 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	10,888,238,784	12,992,246,193
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11,997,896,425	7,592,920,993
Các khoản tương đương tiền	9,500,000,000	23,099,651,797
	<b><u>32,386,135,209</u></b>	<b><u>43,684,818,983</u></b>

Tại 31/12/2016, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,6%/năm đến 5,0%/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn	21,700,000,000	21,700,000,000	9,500,000,000	9,500,000,000
	<b>21,700,000,000</b>	<b>21,700,000,000</b>	<b>9,500,000,000</b>	<b>9,500,000,000</b>

Tại 31/12/2016, các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng đến 12 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 5,3%/năm đến 7,2 %/năm.

**b) Đầu tư góp vốn vào Công ty liên doanh, liên kết**

Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc với tỷ lệ lợi ích và điều quyết là 47%. Giá gốc của khoản đầu tư không thay đổi tại ngày đầu năm và cuối năm là 4.700.000.000 đồng. Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu của khoản đầu tư tại ngày đầu năm và cuối năm lần lượt là 12.134.270.676 đồng và 13.914.881.731 đồng.

Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc có địa chỉ tại Thành phố Hồ Chí Minh và hoạt động kinh doanh chính trong lĩnh vực in ấn.

**c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Dược phẩm Đồng Nai	62,829,200	-	62,829,200	-
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Giấy Lê Hoa	59,500,000	-	59,500,000	-
	<b>122,329,200</b>	<b>-</b>	<b>122,329,200</b>	<b>-</b>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>		
- Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam)	3,516,136,080	2,746,620,838
- Công Ty Cổ Phần Xúc Tiến Đông Tây	1,119,563,134	562,763,300
- Công ty TNHH phim Ánh Sáng Xanh	2,005,682,030	632,950,010
- Các khoản phải thu khách hàng khác	12,104,931,427	12,717,899,421
	<b>18,746,312,671</b>	<b>16,660,233,569</b>
<b>b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>401,990,472</b>	<b>405,257,557</b>
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36.		

**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Borouge pte Ltd co	-	-	1,322,417,250	-
Iwerks Entertainment inc.	-	-	785,600,000	-
Xinhengjia Supply Chain (HK) Co. Ltd	267,285,864	-	2,638,198,694	-
Cục Viễn thông	75,350,000	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	550,840,590	-	1,287,622,036	-
	<b>893,476,454</b>	<b>-</b>	<b>6,033,837,980</b>	<b>-</b>

**7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Công Ty TNHH Đầu Tư và Phát Triển Giáo Dục Minh Anh	-	3,000,000,000
- Các khoản cho vay cá nhân (1)	4,000,000,000	-
	<b>4,000,000,000</b>	<b>3,000,000,000</b>

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản cho vay ngắn hạn:**

(1) Bao gồm các hợp đồng vay vốn được ký kết giữa Công ty và cá nhân với các điều khoản chi tiết sau:

- + Tổng số tiền cho vay: 4.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Đầu tư kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: 02 tháng kể từ ngày nhận tiền;
- + Lãi suất cho vay: 6%/năm;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 4.000.000.000 đồng;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: tín chấp.

**8 . PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	316,647,500	-	-	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	1,259,775	-	46,272,437	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	223,200	-	2,127,120	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	99,200	-	297,820	-
Ký cược, ký quỹ	85,000,000	-	-	-
Phải thu khác	63,194,817	-	299,005,973	-
	<b>466,424,492</b>	<b>-</b>	<b>347,703,350</b>	<b>-</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
Ký cược, ký quỹ	86,500,000	-	86,500,000	-
	<b>86,500,000</b>	<b>-</b>	<b>86,500,000</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**9 . NỢ XẤU**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty TNHH SX &TM XNK Tân Đình Phong	26,000,000	-	26,000,000	26,000,000
- Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ LTT	570,512,033	570,512,033	570,512,033	570,512,033
- Các khoản khác	59,865,543	59,865,543	59,865,543	59,865,543
	<b>656,377,576</b>	<b>630,377,576</b>	<b>656,377,576</b>	<b>656,377,576</b>

(\*) Khoản Công nợ đối với Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ LTT đã được Công ty này cam kết thanh toán trong năm 2017 nên Công ty không trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với khoản công nợ này.

**10 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	20,591,912,043	-	26,495,305,033	-
Công cụ, dụng cụ	1,559,410,563	-	1,750,940,172	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1,482,459,188	-	605,531,093	-
Thành phẩm	8,071,648,653	-	12,242,424,860	-
Hàng hoá	1,999,772,889	-	1,696,672,696	-
	<b>33,705,203,336</b>	<b>-</b>	<b>42,790,873,854</b>	<b>-</b>

**11 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>Mua sắm tài sản cố định</b>	2,403,498,771	-
- Mua sắm căn hộ	2,403,498,771	-
<b>Sửa chữa lớn tài sản cố định</b>	-	1,065,554,594
- Chi phí sửa chữa rạp 3D Suối tiên	-	644,139,038
- Chi phí sửa chữa các công trình khác	-	421,415,556
	<b>2,403,498,771</b>	<b>1,065,554,594</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	<b>Cộng</b>
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	26,612,767,972	104,283,446,172	8,107,594,135	1,271,054,625	202,921,345	140,477,784,249
- Mua trong năm	94,329,659	868,000,000	2,544,683,364	643,131,592	-	4,150,144,615
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1,393,174,901	3,125,309,586	-	-	-	4,518,484,487
- Thanh lý, nhượng bán	-	(145,454,545)	-	-	-	(145,454,545)
- Giảm do Công ty con giải thể trong năm	(135,499,636)	(4,155,250,209)	-	-	-	(4,290,749,845)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>27,964,772,896</b>	<b>103,976,051,004</b>	<b>10,652,277,499</b>	<b>1,914,186,217</b>	<b>202,921,345</b>	<b>144,710,208,961</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	15,756,618,941	74,665,127,876	6,318,486,931	627,678,382	161,227,348	97,529,139,478
- Khấu hao trong năm	1,742,404,701	6,882,430,031	781,089,481	390,240,488	10,625,808	9,806,790,509
- Thanh lý, nhượng bán	-	(94,390,175)	-	-	-	(94,390,175)
- Giảm do Công ty con giải thể trong năm	(135,499,636)	(4,155,250,209)	-	-	-	(4,290,749,845)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>17,363,524,006</b>	<b>77,297,917,523</b>	<b>7,099,576,412</b>	<b>1,017,918,870</b>	<b>171,853,156</b>	<b>102,950,789,967</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	10,856,149,031	29,618,318,296	1,789,107,204	643,376,243	41,693,997	42,948,644,771
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>10,601,248,890</b>	<b>26,678,133,481</b>	<b>3,552,701,087</b>	<b>896,267,347</b>	<b>31,068,189</b>	<b>41,759,418,994</b>

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 14.522.950.318 đồng

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	<b>Cộng</b>
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	6,237,885,093	901,095,395	7,138,980,488
- Giảm do giải thể công ty con	-	(12,500,091)	(12,500,091)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>6,237,885,093</b>	<b>888,595,304</b>	<b>7,126,480,397</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	1,531,456,798	641,749,801	2,173,206,599
- Khấu hao trong năm	149,410,416	196,964,374	346,374,790
- Giảm do giải thể công ty con	-	(12,500,091)	(12,500,091)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1,680,867,214</b>	<b>826,214,084</b>	<b>2,507,081,298</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	4,706,428,295	259,345,594	4,965,773,889
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>4,557,017,879</b>	<b>62,381,220</b>	<b>4,619,399,099</b>

**14 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

Bất động sản đầu tư của Công ty là Nhà cửa vật kiến trúc của tòa nhà Alta Plaza có địa chỉ tại đường Phạm Văn Hai, Phường 3, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, được sử dụng với mục đích cho thuê với nguyên giá là 52.456.972.189 đồng, giá trị hao mòn lũy kế tại ngày 31/12/2016 là 19.375.392.310 đồng, trong đó khấu hao trong năm là 1.922.673.528 đồng.

**15 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	799,878,599	487,169,559
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	58,155,441	108,539,845
	<b>858,034,040</b>	<b>595,709,404</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	322,821,968	914,163,648
Giá trị còn lại của TSCĐ do phá dỡ	232,626,355	344,287,003
Chi phí chờ phân bổ Trung tâm thương mại - Alta Plaza	84,230,778	325,768,896
Chi phí chờ phân bổ của rạp phim 4D Suối Tiên	-	170,330,618
Vật tư có giá trị lớn xuất dùng cho thuê màn hình LED	12,900,701,277	13,323,266,289
Chi phí trả trước dài hạn khác tại Altamedia	2,346,294,415	952,566,572
	<b>15,886,674,793</b>	<b>16,030,383,026</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**16 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	VND
<b>Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
Gulf polymers Distribution	-	-	1,989,810,900	1,989,810,900
Doanh nghiệp tư nhân thương mại dịch vụ Lê Trần	370,707,150	370,707,150	395,362,550	395,362,550
LED Display Sourcing (HK) Co.	1,158,212,599	1,158,212,599	-	-
Phải trả các đối tượng khác	4,290,890,593	4,290,890,593	6,168,688,875	6,168,688,875
	<b>5,819,810,342</b>	<b>5,819,810,342</b>	<b>8,553,862,325</b>	<b>8,553,862,325</b>

**17 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Quảng Cáo Gia Phát	113,540,000	27,000,000
Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Sản Xuất Key Communications	211,855,000	-
Công Ty TNHH Một Thành Viên In Trần Phú	-	340,980,000
Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam)	-	274,650,000
Công ty Capital Packaging Marek Wietlicki	-	315,505,200
Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	1,278,990,167	763,986,508
	<b>1,604,385,167</b>	<b>1,722,121,708</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**18 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	776,101,418	7,428,729,223	6,937,779,424	-	1,267,051,217
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	127,476	-	159,204,442	159,331,918	254,952	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	187,670,298	864,998,806	640,143,929	-	412,525,175
Thuế Thu nhập cá nhân	43,752,892	93,801,824	389,895,991	375,215,730	-	64,729,193
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	56,209,591	56,209,591	-	-
Các loại thuế khác	-	-	148,763,642	148,763,642	-	-
	<b>43,880,368</b>	<b>1,057,573,540</b>	<b>9,047,801,695</b>	<b>8,317,444,234</b>	<b>254,952</b>	<b>1,744,305,585</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**19 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	40,054,800	10,713,202
- Bảo hiểm y tế	24,870,700	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	28,491,140	7,297,200
- Phải trả tiền đặt cọc thuê mặt bằng	1,868,196,872	1,499,472,552
- Quỹ phải trả người lao động	1,133,287,442	1,390,553,942
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	26,911,880	8,573,880
	<b>3,121,812,834</b>	<b>2,916,610,776</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**20 . CÁC KHOẢN VAY**

	01/01/2016		Trong năm		31/12/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
<b>Vay ngắn hạn Ngân hàng...</b>	<b>8,217,723,431</b>	<b>8,217,723,431</b>	<b>7,491,490,523</b>	<b>12,110,344,554</b>	<b>3,598,869,400</b>	<b>3,598,869,400</b>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương						
- Việt Nam (1)	5,461,275,431	5,461,275,431	7,491,490,523	9,353,896,554	3,598,869,400	3,598,869,400
Ngân hàng TMCP Á Châu - CN						
- Thành phố Hồ Chí Minh	2,756,448,000	2,756,448,000	-	2,756,448,000	-	-
	<b>8,217,723,431</b>	<b>8,217,723,431</b>	<b>7,491,490,523</b>	<b>12,110,344,554</b>	<b>3,598,869,400</b>	<b>3,598,869,400</b>
<b>b) Vay dài hạn</b>						
- Vay cá nhân	7,100,000,000	7,100,000,000	-	7,100,000,000	-	-
	<b>7,100,000,000</b>	<b>7,100,000,000</b>	<b>-</b>	<b>7,100,000,000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	-	-	-	-	-	-
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	<b>7,100,000,000</b>	<b>7,100,000,000</b>			<b>-</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

- (1) Bao gồm các Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa các Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ Nhựa Âu Lạc, Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ truyền thông Âu Lạc và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình với các nội dung chính như sau:
- + Số tiền cho vay: 3.598.869.400 đồng;
  - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
  - + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng hoặc giấy nhận nợ;
  - + Lãi suất cho vay: Tại thời điểm 31/12/2016 là 9%/năm;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 3.598.869.400 đồng.
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Các hợp đồng vay không có tài sản đảm bảo nhưng nhận bảo lãnh thanh toán bằng Chứng thư bảo lãnh vay vốn được ký kết giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình.

**Các khoản vay đối với các bên liên quan**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
	VND	VND	VND	VND
<b>Vay dài hạn</b>	-	-	<b>7,100,000,000</b>	-
Ông Hoàng Minh Anh Tú <sup>(1)</sup>	-	-	4,300,000,000	-
Ông Hoàng Minh Anh Tài <sup>(2)</sup>	-	-	2,800,000,000	-
	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>7,100,000,000</b>	<b>-</b>

Ghi chú:

(1) Tổng Giám đốc

(2) Phó Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	<b>Cộng</b>
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>58,480,640,000</b>	<b>140,906,644,443</b>	<b>2,140,945,047</b>	<b>(11,666,581,607)</b>	<b>4,368,550,442</b>	<b>3,396,916,247</b>	<b>197,627,114,572</b>
Tăng vốn trong năm trước	3,244,590,000	(3,244,590,000)	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	6,011,381,394	6,011,381,394
Hoàn nhập quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-	(2,890,894,333)	2,890,894,333	-
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>61,725,230,000</b>	<b>137,662,054,443</b>	<b>2,140,945,047</b>	<b>(11,666,581,607)</b>	<b>1,477,656,109</b>	<b>12,299,191,974</b>	<b>203,638,495,966</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>61,725,230,000</b>	<b>137,662,054,443</b>	<b>2,140,945,047</b>	<b>(11,666,581,607)</b>	<b>1,477,656,109</b>	<b>12,299,191,974</b>	<b>203,638,495,966</b>
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	5,795,920,627	5,795,920,627
Phân phối lợi nhuận năm 2015	-	-	-	-	281,118,965	(4,004,440,470)	(3,723,321,505)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>61,725,230,000</b>	<b>137,662,054,443</b>	<b>2,140,945,047</b>	<b>(11,666,581,607)</b>	<b>1,758,775,074</b>	<b>14,090,672,131</b>	<b>205,711,095,088</b>

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/NQĐHCD ngày 14 tháng 04 năm 2016, Công ty mẹ công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2015 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận còn lại được phân phối năm 2015	100.00%	4,345,791,866
Trích Quỹ đầu tư phát triển	6.47%	281,118,965
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	6.47%	281,118,965
Chi trả cổ tức (bằng 6% vốn điều lệ)	79.21%	3,442,202,540
Lợi nhuận chưa phân phối	7.85%	341,351,396

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm
	(%)	VND	(%)	VND
Công ty Cổ phần Địa ốc A.C.B	17.03%	10,512,440,000	17.03%	10,512,440,000
Tổng Công ty Công nghiệp In - Bao bì Liksin - TNHH MTV	12.32%	7,602,110,000	12.32%	7,602,110,000
Ông Hoàng Văn Điều	9.38%	5,788,600,000	9.38%	5,788,600,000
Bà Lại Thị Hồng Điệp	5.77%	3,558,630,000	5.77%	3,558,630,000
Ông La Thế Nhân	4.79%	2,955,500,000	4.79%	2,955,500,000
Cổ đông khác	43.65%	26,949,810,000	43.65%	26,949,810,000
Cổ phiếu quỹ	7.06%	4,358,140,000	7.06%	4,358,140,000
	<b>100%</b>	<b>61,725,230,000</b>	<b>100%</b>	<b>61,725,230,000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	61,725,230,000	61,725,230,000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	61,725,230,000	58,480,640,000
- <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	-	3,244,590,000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	61,725,230,000	61,725,230,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	3,442,202,540	-
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	3,442,202,540	-

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6,172,523	6,172,523
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6,172,523	6,172,523
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6,172,523	6,172,523
Số lượng cổ phiếu được mua lại ( <i>cổ phiếu quỹ</i> )	435,814	435,814
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	435,814	435,814
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5,736,709	5,736,709
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5,736,709	5,736,709
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10,000	10,000

**e) Các quỹ công ty**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	1,758,775,074	1,477,656,109
	<b>1,758,775,074</b>	<b>1,477,656,109</b>

**22 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****Ngoại tệ các loại**

	31/12/2016	01/01/2016
- Đồng đô la Mỹ (USD)	20,920.68	16,992.94



**23 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	64,875,824,079	80,578,888,612
Doanh thu cung cấp dịch vụ	64,302,659,465	55,334,217,289
	<b>129,178,483,544</b>	<b>135,913,105,901</b>
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36.)	<b>1,971,760,059</b>	<b>1,903,543,823</b>

**24 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	73,499,927	229,500,710
Giảm giá hàng bán	-	397,400,000
	<b>73,499,927</b>	<b>626,900,710</b>

**25 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	64,001,722,587	68,248,099,109
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	44,866,013,161	49,453,197,461
	<b>108,867,735,748</b>	<b>117,701,296,570</b>

**26 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1,846,560,978	1,223,590,677
Cổ tức, lợi nhuận được chia	470,000,000	500,174,375
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	218,635,172	205,463,673
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	6,698,896	697,686
	<b>2,541,895,046</b>	<b>1,929,926,411</b>

**27 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	156,359,305	264,937,803
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	352,051,204	455,803,575
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	25,208,891	16,764,910
	<b>533,619,400</b>	<b>737,506,288</b>

**28 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	88,500
Chi phí nhân công	2,134,441,389	1,728,327,115
Chi phí dịch vụ mua ngoài	578,450,922	582,344,328
Chi phí khác bằng tiền	1,568,874,937	1,089,685,185
	<b>4,281,767,248</b>	<b>3,400,445,128</b>

**29 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	308,564,724	204,563,802
Chi phí nhân công	7,270,488,451	5,890,399,224
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1,547,959,265	1,415,897,798
Thuế, phí, lệ phí	159,993,036	104,753,546
Chi phí dự phòng	26,000,000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2,180,190,625	1,625,911,135
Chi phí khác bằng tiền	1,562,450,359	1,350,816,754
	<b>13,055,646,460</b>	<b>10,592,342,259</b>

**30 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	705,146,566	266,905,475
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	159,852,240	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	187,670,298	270,764,823
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	<b>(640,143,929)</b>	<b>(350,000,000)</b>
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>412,525,175</b>	<b>187,670,298</b>

**31 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	5,795,920,627	6,011,381,394
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	5,795,920,627	6,011,381,394
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	5,736,709	5,736,709
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u><u>1,010</u></u></b>	<b><u><u>1,048</u></u></b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

**32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	48,908,929,433	56,263,170,762
Chi phí nhân công	18,881,582,809	12,105,206,612
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12,075,838,827	11,281,139,767
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9,629,560,835	8,823,088,298
Chi phí khác bằng tiền	8,683,192,845	8,422,377,880
	<b><u><u>98,179,104,748</u></u></b>	<b><u><u>96,894,983,319</u></u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	32,386,135,209	-	-	32,386,135,209
Phải thu khách hàng, phải thu khác	19,186,737,163	86,500,000	-	19,273,237,163
Các khoản cho vay	25,700,000,000	-	-	25,700,000,000
Đầu tư dài hạn	-	122,329,200	-	122,329,200
	<b><u>77,272,872,372</u></b>	<b><u>208,829,200</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>77,481,701,572</u></b>
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	43,684,818,983	-	-	43,684,818,983
Phải thu khách hàng, phải thu khác	17,007,936,919	86,500,000	-	17,094,436,919
Các khoản cho vay	12,500,000,000	-	-	12,500,000,000
Đầu tư dài hạn	-	122,329,200	-	122,329,200
	<b><u>73,192,755,902</u></b>	<b><u>208,829,200</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>73,401,585,102</u></b>

***Rủi ro thanh khoản***

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>				
Vay và nợ	3,598,869,400	-	-	3,598,869,400
Phải trả người bán, phải trả khác	8,941,623,176	-	-	8,941,623,176
	<b>12,540,492,576</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>12,540,492,576</b>
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>				
Vay và nợ	8,217,723,431	7,100,000,000	-	15,317,723,431
Phải trả người bán, phải trả khác	11,470,473,101	-	-	11,470,473,101
Chi phí phải trả	65,849,112	-	-	65,849,112
	<b>19,754,045,644</b>	<b>7,100,000,000</b>	<b>-</b>	<b>26,854,045,644</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

**35 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

**Theo lĩnh vực kinh doanh**

	Hoạt động sản xuất và thương mại VND	Hoạt động dịch vụ VND	<b>Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND</b>
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	64,802,324,152	64,302,659,465	129,104,983,617
Chi phí bộ phận trực tiếp	64,001,722,587	44,866,013,161	108,867,735,748
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>800,601,565</b>	<b>19,436,646,304</b>	<b>20,237,247,869</b>
Tổng chi phí mua TSCĐ	-	10,006,573,279	10,006,573,279
Tài sản bộ phận trực tiếp	112,736,695,494	111,867,428,127	224,604,123,621
<b>Tổng tài sản</b>	<b>112,736,695,494</b>	<b>111,867,428,127</b>	<b>224,604,123,621</b>
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	9,483,074,355	9,409,954,178	18,893,028,533
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>9,483,074,355</b>	<b>9,409,954,178</b>	<b>18,893,028,533</b>

**Theo khu vực địa lý**

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trong lãnh thổ Việt Nam, do vậy Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**36 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau: (riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại thuyết minh số 20.)

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
<b>Doanh thu</b>		<b>1,971,760,059</b>	<b>1,903,543,823</b>
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Công ty liên kết	1,971,760,059	1,903,543,823
<b>Cổ tức được chia</b>		<b>470,000,000</b>	<b>470,000,000</b>
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Công ty liên kết	470,000,000	470,000,000

Số dư tại ngày kết thúc năm:

	Mối quan hệ	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>Phải thu ngắn hạn khách hàng</b>		<b>401,990,472</b>	<b>405,257,557</b>
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Công ty liên kết	401,990,472	405,257,557

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thu nhập của Ban Điều hành và Hội đồng Quản trị	2,281,590,500	1,443,537,450

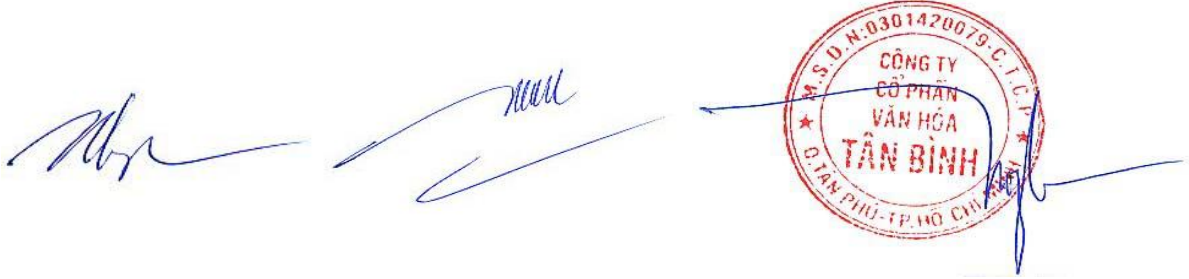
**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**37 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



---

**Nguyễn Thị Ngọc Duyên**  
Người lập

---

**Nguyễn Thị Xuân**  
Kế toán trưởng

---

**Hoàng Minh Anh Tú**  
Tổng Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2017